

Số: 905/QĐ-LTT-ĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận tốt nghiệp các môn văn hóa cho học sinh
khóa 15 TC (9+3), 15 TCN (9+3), 17 T2 (1N3T) và các khóa cũ thi lại
Năm học 2017 - 2018**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG TP.HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1130/QĐ-LĐTBXH ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh thành Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1716/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư quy định về Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 72/QĐ-LTT-TC ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành “Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh”;

Căn cứ Thông tư số 22/2014/TT-BGD&ĐT ngày 09 tháng 7 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế đào tạo Trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1268/QĐ-LTT ngày 29 tháng 9 năm 2016 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế đào tạo trong dạy nghề hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 713/QĐ-LTT-ĐT ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp tại Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1274/QĐ-LTT-ĐT ngày 11 tháng 12 năm 2017 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về thành lập Hội đồng xét điều kiện dự thi, xét tốt nghiệp các môn văn hóa cho học sinh khóa 15 TC (9+3), 15 TCN (9+3), 17 T2 (1N3T) và các khóa cũ thi lại Năm học 2017 - 2018;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng xét điều kiện dự thi, xét tốt nghiệp các môn văn hóa cho học sinh khóa 15 TC (9+3), 15 TCN (9+3), 17 T2 (1N3T) và các khóa cũ thi lại ngày 22 tháng 8 năm 2018;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tuyển sinh - Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận tốt nghiệp các môn văn hóa cho 157 học sinh của khóa 15 TC, 15 TCN, 17 T2 và các khóa cũ thi lại trong năm học 2017 - 2018, cụ thể như sau:

1. Kỳ thi tháng 3/2018: 70 học sinh
2. Kỳ thi tháng 5/2018: 35 học sinh
3. Kỳ thi tháng 6/2018: 52 học sinh (có danh sách kèm theo)

Điều 2. Các học sinh có tên trong danh sách và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT, TS-ĐT.



Đinh Văn Độ

TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

DANH SÁCH HỌC SINH TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP KHÓA 15 TCCN (9+3)
TRUNG CẤP NGHỀ 15 TCN (9+3) VÀ HỌC SINH CÁC KHÓA CŨ THI LẠI
ĐỦ ĐIỀU KIỆN CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CÁC MÔN VĂN HÓA
KỲ THI THÁNG 3/2018

(Kèm theo Quyết định số: 905/QĐ-LTT-ĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

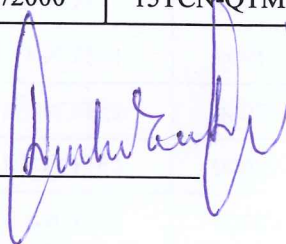
STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	ĐIỂM			TỐT NGHIỆP CÁC MÔN VĂN HÓA
							TOÁN	LÝ	HÓA	
1	15000936	Trần Tuấn	Cường	Nam	29/01/2000	15TC-Đ	5.50	9.00	5.50	ĐẠT
2	15000640	Nguyễn Văn	Hóa	Nam	5/9/1999	15TC-Đ	7.00	8.00	8.00	ĐẠT
3	15000861	Châu Quang	Thần	Nam	19/02/1999	15TC-Đ	5.50	9.50	8.50	ĐẠT
4	15001664	Ngô Trần Khải	Vinh	Nam	09/10/2000	15TC-Đ	6.00	6.50	5.00	ĐẠT
5	15000430	Đoàn Thanh	Chí	Nam	10/04/1997	15TC-NL	5.00	7.50	6.00	ĐẠT
6	15003404	Thái Văn	Toàn	Nam	02/04/1999	15TC-NL	5.00	5.50	7.00	ĐẠT
7	15000391	Phan Gia	Bảo	Nam	16/10/1992	15TC-Ô	5.50	7.00	7.50	ĐẠT
8	15000044	Nguyễn Minh	Cường	Nam	19/07/2000	15TC-Ô	5.00	5.00	7.00	ĐẠT
9	15000168	Lương Nhật	Hoan	Nam	28/11/2000	15TC-Ô	7.00	9.00	9.00	ĐẠT
10	15001918	Vũ Nguyễn Quốc	Huy	Nam	27/09/2000	15TC-Ô	6.50	10.00	8.50	ĐẠT
11	15002017	Thái Văn	Thắng	Nam	02/04/1999	15TC-Ô	5.00	8.00	5.00	ĐẠT
12	15000472	Nguyễn Tân	Khoa	Nam	29/11/2000	15TC-QTM	9.00	10.00	7.50	ĐẠT
13	15003403	Đoàn Đình	Minh	Nam	20/10/1995	15TC-QTM	6.50	10.00	9.50	ĐẠT
14	15003387	Tô Ngọc Kim	Ngân	Nữ	05/08/1996	15TC-QTM	8.00	8.50	10.00	ĐẠT
15	15000867	Nguyễn Thanh	Vinh	Nam	18/10/1996	15TCT-Đ	5.00	9.00	6.00	ĐẠT
16	16000913	Quách Ngọc Tú	Thương	Nữ	21/09/1996	16TCT-QTM	5.50	5.50	9.50	ĐẠT

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	ĐIỂM			TỐT NGHIỆP CÁC MÔN VĂN HÓA
							TOÁN	LÝ	HÓA	
17	15003379	Vương Nhân	Kiên	Nam	05/01/1998	15TCN-CKL	7.50	10.00	8.50	ĐẠT
18	15000281	Tăng Thành	Đạt	Nam	25/01/2000	15TCN-Đ	5.00	7.00	8.00	ĐẠT
19	15001309	Võ Quốc	Huy	Nam	05/12/2000	15TCN-Đ	6.00	9.50	7.50	ĐẠT
20	15000149	Huỳnh Triệu Thái	Bình	Nam	15/02/2000	15TCN-ĐT	7.50	6.00	8.50	ĐẠT
21	15000087	Nguyễn Dương Quốc	Duy	Nam	07/07/2000	15TCN-ĐT	5.00	7.50	6.50	ĐẠT
22	15001424	Trần Trọng	Hợp	Nam	01/04/2000	15TCN-ĐT	6.00	8.50	9.00	ĐẠT
23	15000252	Trần Gia	Huy	Nam	24/12/2000	15TCN-ĐT	6.00	9.50	7.00	ĐẠT
24	15000858	Lê Cẩm	Nghĩa	Nam	17/05/1994	15TCN-ĐT	10.00	10.00	9.00	ĐẠT
25	15002646	Lê Nguyễn Hoàng	Nhân	Nam	21/01/2000	15TCN-ĐT	7.50	9.00	6.50	ĐẠT
26	15000141	Phạm Thanh	Nhân	Nam	03/09/2000	15TCN-ĐT	6.00	5.50	7.00	ĐẠT
27	15000608	Đường Vinh	Phúc	Nam	12/11/2000	15TCN-ĐT	5.00	8.00	6.50	ĐẠT
28	15000691	Hồ Tân	Tài	Nam	25/11/2000	15TCN-ĐT	5.00	7.00	7.00	ĐẠT
29	15000190	Đặng Lê Hoàng	Thái	Nam	11/04/2000	15TCN-ĐT	6.00	9.50	6.50	ĐẠT
30	15000798	Lê	Vinh	Nam	17/05/2000	15TCN-ĐT	8.00	9.50	6.00	ĐẠT
31	15000232	Đỗ Huỳnh Thiên	Bảo	Nam	28/11/2000	15TCN-KTD	5.50	6.50	7.50	ĐẠT
32	15000494	Nguyễn Minh	Đức	Nam	03/08/2000	15TCN-KTD	5.00	9.00	8.00	ĐẠT
33	15003488	Nguyễn Hoàng	Kim	Nữ	31/12/2000	15TCN-KTD	6.50	7.50	7.50	ĐẠT
34	15002419	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	Nữ	09/11/2000	15TCN-KTD	5.00	5.00	6.00	ĐẠT
35	15000318	Lê Thị Hồng	Vi	Nữ	14/06/2000	15TCN-KTD	5.00	9.50	6.50	ĐẠT
36	15000067	Hà Gia	Ân	Nam	09/11/2000	15TCN-LĐL	5.50	8.00	6.50	ĐẠT
37	15000262	Lê Quốc	Anh	Nam	06/08/2000	15TCN-LĐL	6.00	8.00	8.50	ĐẠT
38	15003484	Phạm Hoàng	Duy	Nam	03/10/2000	15TCN-LĐL	5.50	8.00	5.50	ĐẠT
39	15002911	Nguyễn Nhật	Khanh	Nam	11/09/2000	15TCN-LĐL	9.00	8.50	8.50	ĐẠT

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	ĐIỂM			TỐT NGHIỆP CÁC MÔN VĂN HÓA
							TOÁN	LÝ	HÓA	
40	15000010	Châu Gia	Minh	Nam	20/09/2000	15TCN-LĐL	8.00	9.50	8.00	ĐẠT
41	15001536	Lê Trung	Nhân	Nam	25/12/2000	15TCN-LĐL	6.50	8.50	10.00	ĐẠT
42	15000797	Lê	Quang	Nam	17/05/2000	15TCN-LĐL	9.00	10.00	7.50	ĐẠT
43	15000153	Hồng Thanh	Việt	Nam	20/08/2000	15TCN-LĐL	7.50	10.00	8.00	ĐẠT
44	15003380	Vương Tuệ	Ngọc	Nữ	18/12/1999	15TCN-MTT	7.00	9.50	6.50	ĐẠT
45	15002726	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	Nữ	07/11/2000	15TCN-MTT	5.00	6.50	7.50	ĐẠT
46	15000254	Lê Thị Thùy	Nhung	Nữ	12/04/2000	15TCN-MTT	8.00	8.00	6.50	ĐẠT
47	15000245	Trần Hải	Đăng	Nam	11/07/1998	15TCN-Ô1	6.00	7.50	6.00	ĐẠT
48	15002720	Lê Anh	Hào	Nam	09/05/1998	15TCN-Ô1	5.50	8.50	5.50	ĐẠT
49	15000780	Trần Đình Tuấn	Huy	Nam	23/09/2000	15TCN-Ô1	8.50	8.00	6.50	ĐẠT
50	15000139	Nguyễn Phi	Khang	Nam	09/12/2000	15TCN-Ô1	7.00	9.00	7.50	ĐẠT
51	15000381	Nguyễn Quốc Công	Khanh	Nam	18/11/2000	15TCN-Ô1	8.50	8.00	6.50	ĐẠT
52	15000185	Lại Phạm Tuấn	Kiệt	Nam	18/04/2000	15TCN-Ô1	8.00	8.50	7.50	ĐẠT
53	15001554	Nguyễn Trí	Quyên	Nam	30/09/2000	15TCN-Ô1	6.00	8.00	7.50	ĐẠT
54	15000815	Nguyễn Minh	Thái	Nam	18/01/1996	15TCN-Ô1	6.00	7.00	5.00	ĐẠT
55	15000238	Phạm Việt	Thái	Nam	14/09/2000	15TCN-Ô1	8.50	7.50	7.00	ĐẠT
56	15000068	Phan	Thịnh	Nam	28/01/2000	15TCN-Ô1	5.00	5.00	5.00	ĐẠT
57	15000373	Phạm Nguyễn Lâm	Trường	Nam	08/07/2000	15TCN-Ô1	6.00	8.50	6.50	ĐẠT
58	15000034	Tạ Tiến	Trường	Nam	08/10/2000	15TCN-Ô1	5.00	6.50	6.00	ĐẠT
59	15000241	Trần Hoàng	Ân	Nam	2/2/2000	15TCN-QTM1	6.00	8.00	8.50	ĐẠT
60	15000029	Nguyễn Thành	Công	Nam	22/11/2000	15TCN-QTM1	8.00	5.50	6.00	ĐẠT
61	15000625	Trương Minh	Đức	Nam	16/05/2000	15TCN-QTM1	6.00	7.50	6.00	ĐẠT
62	15000125	Bùi Hoàng	Duy	Nam	24/11/1999	15TCN-QTM1	5.00	5.00	5.50	ĐẠT

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	ĐIỂM			TỐT NGHIỆP CÁC MÔN VĂN HÓA
							TOÁN	LÝ	HÓA	
63	15002057	Nguyễn Tiến	Hùng	Nam	06/10/2000	15TCN-QTM1	7.00	9.50	8.50	ĐẠT
64	15000115	Nguyễn Ngọc Song	Hương	Nữ	17/09/2000	15TCN-QTM1	6.50	9.00	7.50	ĐẠT
65	15002515	Nguyễn Tăng	Huy	Nam	21/02/2000	15TCN-QTM1	5.50	8.00	7.50	ĐẠT
66	15000075	Lê Đình	Khôi	Nam	11/06/2000	15TCN-QTM1	6.00	9.50	7.00	ĐẠT
67	15000358	Diệp Bảo	Long	Nam	06/12/2000	15TCN-QTM1	8.00	9.00	7.50	ĐẠT
68	15000104	Hồ Nguyễn Minh	Long	Nam	31/10/2000	15TCN-QTM1	6.50	8.50	7.00	ĐẠT
69	15000207	Ngô Minh	Thông	Nam	28/12/2000	15TCN-QTM1	6.50	6.50	5.50	ĐẠT
70	15001313	Trần Thanh	Tuấn	Nam	13/01/2000	15TCN-QTM1	9.50	9.00	7.00	ĐẠT

Tổng cộng danh sách có 70 Học sinh



TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

DANH SÁCH HỌC SINH TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP KHÓA 15 TCCN (9+3)
TRUNG CẤP NGHỀ KHÓA 15 TCN (9+3) VÀ HỌC SINH CÁC KHÓA CŨ THI LẠI
ĐỦ ĐIỀU KIỆN CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CÁC MÔN VĂN HÓA
KỲ THI THÁNG 5/2018

(Kèm theo Quyết định số: **905** /QĐ-LTT-ĐT ngày **22** tháng 8 năm 2018 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	ĐIỂM			TỐT NGHIỆP CÁC MÔN VĂN HÓA
							TOÁN	LÝ	HÓA	
1	15000269	Nguyễn Minh	Nhật	Nam	24/09/1998	15TC-Đ	10.00	6.50	9.50	ĐẠT
2	15001406	Nguyễn Trần Hoài	Phong	Nam	07/11/1997	15TC-Đ	6.50	8.50	5.00	ĐẠT
3	15000425	Nguyễn Văn	Vinh	Nam	10/01/2000	15TC-Đ	6.50	6.00	5.50	ĐẠT
4	15000511	Nguyễn Bá Hoàng	Nam	Nam	06/05/1998	15TC-Ô	6.50	6.50	7.00	ĐẠT
5	15000553	Nguyễn Minh	Thuận	Nam	18/8/1997	15TC-Ô	7.00	6.00	8.50	ĐẠT
6	15002309	Trần Thanh	Tình	Nam	26/04/1997	15TCT-CK	7.50	7.50	8.50	ĐẠT
7	15003024	Huỳnh Đức	Anh	Nam	16/08/1997	15TCT-Đ	6.50	8.50	5.50	ĐẠT
8	15003285	Phạm Ngọc	Thống	Nam	28/08/1996	15TCT-Đ	8.00	9.00	8.00	ĐẠT
9	15002550	Lê Thành	Hân	Nam	12/12/1997	15TCT-NL	7.00	9.00	5.00	ĐẠT
10	16000352	Thái Gia	Hưng	Nam	17/11/1997	16TCT-Đ	8.50	9.00	6.50	ĐẠT
11	16001271	Phạm Hoàng	Long	Nam	05/12/1998	16TCT-Đ	8.50	7.00	8.50	ĐẠT
12	16003442	Nguyễn	Mạnh	Nam	10/09/1998	16TCT-Đ	6.00	8.50	8.00	ĐẠT
13	16002762	Lê Thái	Văn	Nam	26/09/1997	16TCT-QTM	7.00	6.50	5.50	ĐẠT
14	15000237	Trương Đình	Trọng	Nam	02/03/2000	15TCN-Đ	6.50	8.00	8.00	ĐẠT
15	15003357	Phạm Quang	Vinh	Nam	22/06/2000	15TCN-Đ	6.00	5.00	8.00	ĐẠT

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	ĐIỂM			TỐT NGHIỆP CÁC MÔN VĂN HÓA
							TOÁN	LÝ	HÓA	
16	15000205	Trần Ngọc	Tân	Nam	17/03/2000	15TCN-ĐT	6.00	8.50	8.00	ĐẠT
17	15000172	Trần Nguyễn Minh	Ngọc	Nữ	12/03/2000	15TCN-KTD	5.00	9.00	5.00	ĐẠT
18	15000641	Nguyễn Đăng Hoài	Nhật	Nam	31/5/2000	15TCN-KTD	5.00	7.50	8.00	ĐẠT
19	15000158	Vũ Kim	Phụng	Nữ	29/09/2000	15TCN-KTD	5.00	8.00	7.00	ĐẠT
20	15000130	Nguyễn Bùi Bích	Phượng	Nữ	26/6/2000	15TCN-KTD	5.50	7.00	6.00	ĐẠT
21	15000551	Nguyễn Cao	Thắng	Nam	10/1/2000	15TCN-KTD	5.00	9.50	5.50	ĐẠT
22	15003424	Huỳnh Phương Anh	Thư	Nữ	13/05/2000	15TCN-KTD	5.00	6.50	5.50	ĐẠT
23	15003430	Mạch Ngọc Minh	Trâm	Nữ	21/10/1995	15TCN-KTD	6.50	6.50	7.50	ĐẠT
24	15000385	Đỗ Duy Phương	Uyên	Nữ	02/02/2000	15TCN-KTD	5.00	7.00	5.50	ĐẠT
25	15002137	Nguyễn Ngọc Thanh	Xuân	Nữ	03/02/2000	15TCN-KTD	5.00	9.50	5.50	ĐẠT
26	15000184	Bùi Anh	Khoa	Nam	18/12/2000	15TCN-Ô1	5.00	7.00	6.00	ĐẠT
27	15000509	Nguyễn Quốc	Huy	Nam	18/02/2000	15TCN-QTM1	5.00	6.50	5.00	ĐẠT
28	15001781	Lê Thành	Long	Nam	23/10/2000	15TCN-QTM1	5.50	8.00	5.50	ĐẠT
29	15000689	Nguyễn Văn	Long	Nam	25/06/2000	15TCN-QTM1	5.00	5.00	5.50	ĐẠT
30	15000837	Nguyễn Phi	Nga	Nữ	13/12/1997	15TCN-QTM1	7.50	5.50	5.00	ĐẠT
31	15000086	Trần Gia	Ngọc	Nữ	23/02/1999	15TCN-QTM1	5.50	9.50	7.00	ĐẠT
32	15000236	Lê Đăng	Quang	Nam	07/02/2000	15TCN-QTM1	8.50	6.50	8.00	ĐẠT
33	15000222	Vũ Minh	Quyền	Nam	01/07/2000	15TCN-QTM1	5.50	8.50	5.00	ĐẠT
34	15000349	Lê Văn	Thái	Nam	11/07/2000	15TCN-QTM1	6.50	5.50	6.00	ĐẠT
35	15000164	Phạm Hoài	Tú	Nữ	12/01/2000	15TCN-QTM1	8.00	7.00	6.50	ĐẠT

Tổng cộng danh sách có 35 Học sinh

TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

DANH SÁCH HỌC SINH TRUNG CẤP KHÓA 17 T2 (1N3T) VÀ CÁC KHÓA CŨ THI LẠI
ĐỦ ĐIỀU KIỆN CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CÁC MÔN VĂN HÓA
KỲ THI THÁNG 6/2018

(Kèm theo Quyết định số: **905** /QĐ-LTT-ĐT ngày **22** tháng 8 năm 2018 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	ĐIỂM			TỐT NGHIỆP CÁC MÔN VĂN HÓA
							TOÁN	LÝ	HOÁ	
1	17004595	Quý Tâm	Điền	Nam	15/11/1997	17T2-ĐCN1	5.75	7.0	8.0	ĐẠT
2	17004103	Lê Minh	Đức	Nam	19/09/1999	17T2-ĐCN1	6.0	6.0	7.0	ĐẠT
3	17002754	Nguyễn Minh	Đức	Nam	14/02/1997	17T2-ĐCN1	6.5	6.5	5.25	ĐẠT
4	17004852	Nguyễn Đức	Duy	Nam	08/10/1997	17T2-ĐCN1	6.5	6.5	9.0	ĐẠT
5	17001168	Lê Minh	Hậu	Nam	21/06/1998	17T2-ĐCN1	6.5	6.0	8.5	ĐẠT
6	17004525	Lê Quang	Huy	Nam	15/11/1999	17T2-ĐCN1	6.5	6.5	7.5	ĐẠT
7	17000568	Nguyễn Xuân	Huy	Nam	04/05/1998	17T2-ĐCN1	8.0	6.0	8.5	ĐẠT
8	17000921	Trần Trung	Kiên	Nam	01/06/1998	17T2-ĐCN1	5.5	7.0	7.0	ĐẠT
9	17003760	Nguyễn Thành	Nhân	Nam	12/01/1997	17T2-ĐCN1	7.0	5.0	8.0	ĐẠT
10	17002861	Nguyễn Thanh	Phi	Nam	10/03/1999	17T2-ĐCN1	7.0	5.5	7.0	ĐẠT
11	17000166	Huỳnh Thanh	Phương	Nam	14/11/1994	17T2-ĐCN1	7.5	5.0	8.0	ĐẠT

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	ĐIỂM			TỐT NGHIỆP CÁC MÔN VĂN HÓA
							TOÁN	LÝ	HOÁ	
12	17003915	Đỗ Minh	Quân	Nam	22/07/1997	17T2-ĐCN1	8.5	5.25	8.0	ĐẠT
13	17000425	Lê Huỳnh Khánh	Đại	Nam	19/08/1996	17T2-QTM1	7.5	5.5	6.5	ĐẠT
14	17003604	Đoàn Nguyễn Quốc	Huy	Nam	02/06/1999	17T2-QTM1	7.0	5.5	5.0	ĐẠT
15	17004528	Lê Đức	Huy	Nam	07/06/1999	17T2-QTM1	7.5	8.0	5.5	ĐẠT
16	17003721	Tô Duy Quang	Huy	Nam	10/09/1997	17T2-QTM1	5.5	8.0	5.0	ĐẠT
17	17002530	Nguyễn Bá	Khang	Nam	17/10/1997	17T2-QTM1	7.5	5.5	7.5	ĐẠT
18	17003369	Trương Hoàng	Luân	Nam	03/12/1999	17T2-QTM1	5.0	5.0	6.5	ĐẠT
19	17004169	Phạm Quang	Nghĩa	Nam	06/11/1999	17T2-QTM1	6.0	5.5	6.5	ĐẠT
20	17000052	Nguyễn Trung	Nhựt	Nam	24/01/1997	17T2-QTM1	7.5	9.0	7.5	ĐẠT
21	17004467	Bành Lưu Danh	Phước	Nam	26/11/1997	17T2-QTM1	10.0	9.5	7.0	ĐẠT
22	17003752	Lưu Anh	Phương	Nam	12/06/1997	17T2-QTM1	8.5	7.0	6.5	ĐẠT
23	17001178	Trần Khải	Quân	Nam	13/10/1996	17T2-QTM1	8.5	7.0	6.5	ĐẠT
24	17003423	Nguyễn Hoàng	Qui	Nam	25/07/1998	17T2-QTM1	5.0	9.0	9.5	ĐẠT
25	17004794	Nguyễn Văn	Sáng	Nam	18/09/1997	17T2-QTM1	6.5	6.0	8.5	ĐẠT
26	17002178	Phạm Thái	Thuận	Nam	29/06/1999	17T2-QTM1	5.5	6.0	7.0	ĐẠT
27	17003678	Đặng Thanh	Tùng	Nam	01/02/1998	17T2-QTM1	5.5	7.0	7.5	ĐẠT

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	ĐIỂM			TỐT NGHIỆP CÁC MÔN VĂN HÓA
							TOÁN	LÝ	HOÁ	
28	15001403	Trần Văn	Thi	Nam	15/04/1996	15TCT-Đ	6.5	5.0	8.0	ĐẠT
29	15000105	Đinh Trần Quang	Trung	Nam	08/02/2000	15TC-Đ	6.5	7.0	8.0	ĐẠT
30	15001817	Nguyễn Sĩ	Nguyên	Nam	19/03/2000	15TC-Đ	7.5	7.0	8.0	ĐẠT
31	15002827	Nguyễn Anh	Đạo	Nam	28/08/1997	15TCT-Ô	5.0	7.50	6.50	ĐẠT
32	16003500	Lữ Tuấn	Hào	Nam	24/12/1998	16TCT-Ô1	7.00	9.00	8.5	ĐẠT
33	16003653	Nguyễn Anh	Hào	Nam	08/12/1996	16TCT-Ô1	6.50	8.00	7.5	ĐẠT
34	16002801	Nguyễn Hoàng	Linh	Nam	28/02/1998	16TCT-Ô1	5.50	9.50	8.5	ĐẠT
35	16001784	Lê Minh	Quang	Nam	06/11/1998	16TCT-QTM	8.0	8.0	9.0	ĐẠT
36	16001884	Nguyễn Hoàng Minh	Triết	Nam	01/07/1998	16TCT-QTM	8.0	7.0	9.0	ĐẠT
37	15000032	Lê Đỗ Quang	Huy	Nam	30/08/2000	15TCN-ĐT	8.0	7.0	8.0	ĐẠT
38	15000173	Nguyễn Vũ Tấn	Phát	Nam	17/01/2000	15TCN-Ô1	6.0	5.00	5.00	ĐẠT
39	15001821	Nguyễn Hoàng	Khang	Nam	22/10/2000	15TCN-QTM1	5.5	6.50	5.50	ĐẠT
40	15001022	Đỗ Trần	Long	Nam	05/07/2000	15TCN-QTM1	7.5	5.0	8.5	ĐẠT
41	15000160	Nguyễn Thái Hoàng	Long	Nam	15/09/2000	15TCN-QTM1	7.5	5.0	9.0	ĐẠT
42	15000253	Phạm Nhật	Phong	Nam	04/07/2000	15TCN-QTM1	6.5	5.0	8.5	ĐẠT
43	15001630	Trần Thuận	Tân	Nam	16/05/2000	15TCN-QTM1	6.5	5.5	8.5	ĐẠT

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	ĐIỂM			TỐT NGHIỆP CÁC MÔN VĂN HÓA
							TOÁN	LÝ	HOÁ	
44	15000037	Nguyễn Xuân	Thoái	Nam	17/11/1999	15TCN-QTM1	5.5	5.5	8.5	ĐẠT
45	15002015	Tổng Ngọc	Thiện	Nam	24/09/2000	15TCN-QTM1	6.5	6.0	8.5	ĐẠT
46	15003431	Trương Quốc	Trung	Nam	15/10/1998	15TCN-QTM1	7.5	6.0	8.5	ĐẠT
47	15000166	Nguyễn Đăng	Đạt	Nam	24/8/2000	15TCN-QTM1	7.5	7.50	6.50	ĐẠT
48	15000219	Nguyễn Vũ Nhật	Phi	Nam	28/9/2000	15TCN-Ô1	7.5	6.0	5.0	ĐẠT
49	15000186	Hoàng Xuân	Đức	Nam	15/02/2000	15TCN-Ô1	5.5	6.5	6.5	ĐẠT
50	15000133	Đỗ Nguyễn Duy	Khang	Nam	05/6/2000	15TCN-Ô1	5.0	6.0	6.0	ĐẠT
51	15002194	Nguyễn Phi	Long	Nam	13/02/2000	15TCN-Ô1	5.5	7.0	8.0	ĐẠT
52	15000065	Phan Hồng	Phúc	Nam	05/3/2000	15TCN-Ô1	5.5	6.0	7.5	ĐẠT

Tổng cộng danh sách có 52 Học sinh.